

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/HS-ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào

Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát V.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công KH vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2022/TLST- HS ngày 20 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994, ĐKHKT: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh B; Nơi ở: Số nhà 179, tổ 6, phố N, phường M, quận H, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; CMND: 151997950, do Công an tỉnh B cấp ngày 25/8/2008; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Trần Văn Y- sinh năm 1974; mẹ đẻ: Trần Thị H- sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị Thùy L - sinh năm 1999; Con: có 01 con sinh năm 2017; Anh chị em ruột: gia đình có 03 người, bị cáo là thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/7/2022 đến ngày 29/7/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã T, huyện V, tỉnh B. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đình Đ**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994; ĐKHKT: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh B; Nơi ở: số nhà 179, tổ 6, phố N, phường M, quận H, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; CCCD: 034094012429, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Nguyễn Đình T- sinh năm 1972; mẹ đẻ: Trịnh Thị Y- sinh năm 1972; Vợ: Nguyễn Thị M- sinh năm 1999; Con: có 01 con sinh năm 2019; Anh chị em ruột: gia đình có 03 người, bị cáo là thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/7/2022 đến ngày 29/7/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã T, huyện V, tỉnh B. Có mặt.

3. Họ và tên: **Trịnh Bảo L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 2004; ĐKKHTT và nơi ở: Thôn 10, xã Đ, huyện T, thành phố P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; CCCD: 031204006513, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 12/8/2021; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; Bố đẻ: không xác định; mẹ đẻ: Trịnh Thị H- sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: gia đình có 04 người, bị cáo là thứ H; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã Đ, huyện T, thành phố P. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:**

1. Chị Đồng Xuân Bảo T, sinh năm 2004.

Đăng ký HKKT: Thôn 11, xã Đ, huyện T, thành phố P.

2. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1993.

Đăng ký HKKT: Thôn 10, xã Đ, huyện T, thành phố P.

3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1994.

Đăng ký HKKT: Thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố P.

4. Chị Trịnh Thị Bích N, sinh năm 2002.

Đăng ký HKKT: Thôn 10, xã Đ, huyện T, thành phố P.

5. Anh Nguyễn Quý H, sinh năm 2003.

Đăng ký HKKT: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố P.

6. Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 2000.

Đăng ký HKKT: Đường 5/4 phường G, quận B, thành phố P.

7. Cháu Đoàn Hữu H, sinh năm 2006.

Đăng ký HKKT: Thôn 5, xóm C, xã Đ, huyện T, thành phố P.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Ông Đoàn Hữu T, sinh năm 1971

Đăng ký HKKT: Thôn 5, xóm C, xã Đ, huyện T, thành phố P.

8. Cháu Trịnh Văn D, sinh năm 2005.

Đăng ký HKKT: Thôn 6, xã B, huyện T, thành phố P.

Người đại diện hợp pháp cho cháu D: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1962.

Đăng ký HKKT: Thôn 6, xã B, huyện T, thành phố P.

9. Ngân hàng H

Trụ sở: 442, H, phường 5, Quận 3, thành phố H

10. Ngân hàng B

Trụ sở: 57 K, quận Hn Kiếm, thành phố H

11. Ngân hàng Q

Trụ sở: 63 L, phường Trung H, quận C, thành phố H

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân nên đầu tháng 7/2022, Trần Văn T - sinh năm 1994, ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh B và Nguyễn

Đình Đ - sinh năm 1994, ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh B đã bàn bạc, thống nhất với nhau tìm người bán tài khoản ngân hàng sau đó mua lại rồi bán với giá cao hơn cho người khác để kiếm lời, theo tỉ lệ ăn chia tiền lãi: T 60%, Đ 40%. T có nhiệm vụ sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook để đăng thông tin với nội dung "*Mua bán thẻ tài khoản cho những ai có nhu cầu chơi game và chạy quảng cáo*" để tìm người mua, bán tài khoản ngân hàng sau đó L hệ trao đổi về giá mua bán với những người này, Đ có nhiệm vụ kiểm tra tài khoản ngân hàng, thanh toán tiền, giao nhận tài khoản ngân hàng với người mua, bán tài khoản. Sau khi đăng tải nội dung lên mạng xã hội, ngày 18/7/2022, Trịnh Bảo L- sinh năm 2004, ở thôn 10, xã Đ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P L hệ với T để bán tài khoản ngân hàng, T và L thống nhất L bán cho T 1 tài khoản ngân hàng với giá 1.300.000đ. Để kiếm lời L đã L hệ với nhiều người ở thành phố P mở tài khoản ngân hàng rồi bán lại cho L, cụ thể:

1. Cháu Đồng Xuân Bảo T, sinh ngày 03/11/2004, ở xã Đ, huyện T, thành phố P: tự mở 03 tài khoản ngân hàng, trong đó: 01 tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 27273697, 01 tài khoản ngân hàng TP Bank số tài khoản 07001661001, 01 tài khoản ngân hàng MB Bank số tài khoản 0924553677. L và T thoả thuận giá 1.000.000đ/03 tài khoản. Sau đó T đã đưa L 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, 03 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về 03 tài khoản ngân hàng nêu trên.

2. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1993, ở xã Đ, huyện T, thành phố P: tự mở 03 tài khoản ngân hàng, trong đó: 01 tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 27280057, 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 07001267401, 01 tài khoản ngân hàng MB Bank có số tài khoản 8802041993. L và anh H thoả thuận giá 2.000.000đ/03 tài khoản. Sau đó, anh H đã đưa L 02 thẻ ATM của ngân hàng ACB, TPBank, 03 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về 03 tài khoản ngân hàng nêu trên.

3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1994, ở xã Đ, huyện T, thành phố P: tự mở 02 tài khoản ngân hàng, trong đó: 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27277767, 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 07003154501. L và anh V thoả thuận giá 1.500.000đ/02 tài khoản. Sau đó, anh V đã đưa L 02 thẻ ATM của ngân hàng ACB, TPBank, 02 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về 02 tài khoản ngân hàng nêu trên.

4. Chị Trịnh Bích N, sinh năm: 2002 xã Đ, huyện T, thành phố P: tự mở 01 tài khoản ngân hàng MBBank có số tài khoản 0924553897. L và chị N thoả thuận giá 1.000.000đ/01 tài khoản. Sau đó, chị N đã đưa L 01 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng nêu trên.

5. Anh Nguyễn Quý H, sinh năm 2003, thường trú tại Thôn 1 xã Thuỷ Sơn, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P 03 tài khoản ngân hàng. L và anh H thoả thuận giá 1.400.000đ/01 tài khoản. Anh H đã mua lại của chị Bùi Hồng N, sinh năm 2003, ở tổ 16, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, thành phố P 03 tài khoản ngân hàng do chị N tự mở gồm: 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27272267, 01 tài khoản ngân hàng TPBank có tài khoản 31303015368, 01 tài khoản ngân hàng MBBank có số tài khoản 96708330032003. anh H và chị N thoả thuận giá 500.000đ/01 tài khoản. Chị N đã đưa anh H 02 thẻ ATM của ngân hàng ACB, TPBank, 03 sim điện

thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về 03 tài khoản ngân hàng nêu trên. Sau đó, anh H đã bán và đưa cho L toàn bộ thẻ ATM, sim điện thoại và thông tin về tài khoản ngân hàng trên của chị N.

6. Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 2000 ở tổ 5, phường G, quận B, thành phố P: tự mở 01 tài khoản ngân hàng MBBank có số tài khoản 10705892739. L và chị L thoả thuận giá 500.000đ/01 tài khoản. Chị L đã đưa cho L 01 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng nêu trên.

7. Cháu Đoàn Hữu H, sinh ngày 02/12/2006, thường trú tại Thôn 5, xã Đ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P 06 tài khoản ngân hàng. Trịnh Bảo L và cháu H thoả thuận giá 700.000đ/01 tài khoản. Cháu H đã mua 06 tài khoản trên của:

- Cháu Trần Công M, sinh ngày: 13/11/2006 ở đường Hàng Tổng, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố P 04 tài khoản ngân hàng. Trong đó M tự mở 01 tài khoản ngân hàng TPbank có số tài khoản 07001865201 và 03 tài khoản M nhờ cháu Lương Tiến H, sinh ngày 06/02/2006 ở phường Đằng Hải, quận Hải An tự mở 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 06691477701, cháu Lê Hữu Tùng D, sinh ngày: 21/9/2006, ở tổ 9, Đằng Hải, quận Hải An tự mở 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 06999421901; cháu Nguyễn N Tuyền, sinh ngày: 20/8/2006 ở phường Đằng Hải, Quận Hải An tự mở 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27257137. H và M thoả thuận giá 300.000đ/01 tài khoản. M đã đưa H tổng số 04 thẻ ATM (03 thẻ ATM của ngân hàng TPBank, 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB), 04 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng nêu trên.

- Cháu Nguyễn Đăng P, sinh ngày 29/11/2006 ở xã K, huyện T, TP P: tự mở 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 06998524801. H và P thoả thuận giá 300.000đ/01 tài khoản. Sau đó P đã đưa H 01 thẻ ATM của ngân hàng TPBank, 01 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng nêu trên.

- Cháu Nguyễn Đăng M, sinh ngày 11/09/2005 ở xã K, huyện T, TP P: tự mở 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27270707. H và M thoả thuận giá 300.000đ/01 tài khoản. Sau đó M đã đưa H 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, 01 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng nêu trên.

Sau đó H đã bán và đưa cho L tổng số 06 thẻ ATM, 06 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng của những người nêu trên.

8. Cháu Trịnh Văn D, sinh ngày 28/4/2005, thường trú tại Thôn 6, xã H Bình, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P. Trịnh Bảo L và cháu D thoả thuận mỗi tài khoản ngân hàng bán cho L thì cháu D sẽ được hưởng 300.000đ. Cháu D đã mua của:

- Cháu L, sinh ngày 10/9/2005 ở xã Cao Nhân, huyện T, P: tự mở 02 tài khoản ngân hàng: 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27271277, 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 06999526101. Cháu D và cháu L thoả thuận giá 500.000đ/02 tài khoản. Sau đó cháu L đã đưa cháu D 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, 02 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking, thông tin về tài khoản ngân hàng trên.

- Cháu G, sinh ngày 03/9/2005, ở xã K, huyện T, P: tự mở 02 tài khoản: 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27270937, 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 06999598801. Cháu D và cháu Đức thoả thuận giá 300.000đ/02 tài khoản. Sau

đó cháu Đức đã đưa cháu D 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, 02 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking, thông tin về tài khoản ngân hàng trên.

Sau đó D đã bán và đưa lại cho Trịnh Bảo L tổng số: 02 thẻ ATM, 04 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về tài khoản ngân hàng của Đức và L.

T cả những người trên Trịnh Bảo L đều thoả thuận khi nào bán được tài khoản ngân hàng sẽ trả tiền sau.

Tổng số L mua được 23 tài khoản ngân hàng của người khác gồm 15 thẻ ATM, 23 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về 23 tài khoản ngân hàng nêu trên. Ngoài ra L tự mở 03 tài khoản ngân hàng gồm: 01 tài khoản ngân hàng MBBank có số tài khoản 8200486689999, 01 tài khoản ngân hàng ACB có số tài khoản 27275797 được cấp thẻ ATM, 01 tài khoản ngân hàng TPBank có số tài khoản 06999552001 được cấp thẻ ATM. L còn mua 06 sim điện thoại Vietnamobile với mục đích để mở online các tài khoản ngân hàng nhưng không thành công.

Sau khi có được 26 tài khoản ngân hàng trên Trịnh Bảo L mang thông tin tài khoản ngân hàng, 17 thẻ ATM, và 32 sim điện thoại (trong đó có 26 sim điện thoại đã đăng ký dịch vụ internetbanking, 06 sim L đăng ký online nhưng không thành công) lên H để bán cho Trần Văn T. Do chưa có tiền thanh toán cho L nên T bảo Đ nhận thẻ ATM, sim điện thoại, thông tin tài khoản ngân hàng trên của L rồi cùng L đi đến thành phố Việt Trì - Phú Thọ bán cho người khác để lấy tiền trả cho L. Đến 21h30' ngày 20/7/2022 Nguyễn Đình Đ và Trịnh Bảo L mang 26 tài khoản ngân hàng trên đến quán cà phê cà phê "Chago" thuộc tổ 6, phố Tân An, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 17 thẻ ATM, 32 sim điện thoại trong đó có 26 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking, 02 điện thoại di động. Do bị phát hiện bắt quả tang nên các đối tượng trên chưa thanh toán tiền mua bán tài khoản ngân hàng với nhau.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn T tại Phòng 501, số nhà 179, tổ 6, phố N, phường M, quận H, thành phố H thu giữ 01 điện thoại di động, 04 thẻ sim các loại, đồng thời triệu tập T về trụ sở cơ quan điều tra để làm việc.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng KH nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Lời KH của các đối tượng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSPT-P1 ngày 16/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo: Trần Văn T, Nguyễn Đình Đ, Trịnh Bảo L về tội: “Mua bán trái phép thông tin tài khoản ngân hàng” theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố luận tội: Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn KH báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép thông tin tài khoản ngân hàng” đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 291, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 (Đối với T, L, Đ) khoản 2 Điều 51 (Đối với T), Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T, Nguyễn

Đình Đ từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trịnh Bảo L từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo T, Đ được trừ 9 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với T, Đ và L và đề nghị áp dụng các chế định cải tạo không giam giữ đối với T, Đ và L.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có tài sản riêng gì.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen có số IMEI: 356770083324358 thu của Trịnh Bảo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI: 359151079799266 thu của Nguyễn Đình Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh có số IMEI: 352841111059011, IMEI2: 352841111167897 thu giữ của Trần Văn T.

+ Tịch thu tiêu hủy 32 sim điện thoại có số:

0924.553.519, 0924.549.931, 0924.549.641, 0924.550.069, 0924.553.894, 0924.550.085, 0924.550.086, 0924.553.670, 0924.553.887, 0924.553.689, 0924.553.677, 0924.549.621, 0924.549.856, 0924.553.450, 0924.553.605, 0924.549.927, 0924.553.683, 0924.553.658, 0924.553.897, 0924.550.135, 0924.553.669, 0924.549.792, 0924.550.113, 0924.549.632, 0924.549.535, 0924.549.762, 0924.553.671, 0924.553.513, 0924.550.167, 0924.553.459, 0924.549.698, 0924.550.091.

+ Khóa 17 thẻ ATM của ngân hàng gồm: 09 thẻ ngân hàng ACB có số thẻ: 4221094008799239, 4221094008796201, 4221094008799219, 4221094008799213, 9704162472838166, 4221094008799221, 4221094008799205, 9704162472838158, 9704162472838141; 08 thẻ ATM của ngân hàng TPBank có số thẻ: 4665843517075983, 4665843510811392, 4665849040601245, 4665849040603043, 4665843515397918, 4665843517497781, 4665843511909104, 9704231335170883.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, các bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Tháng 7/2022, Trần Văn T và Nguyễn Đình Đ đã có hành vi mua trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của Trịnh Bảo L tổng số 26 tài khoản, trong đó có 03 tài khoản L tự mở và 23 tài khoản L mua của người khác, gồm 15 thẻ ATM, 23 sim điện thoại đăng ký dịch vụ internetbanking và thông tin về 23 tài khoản ngân hàng.

Sau đó, ngày 20/7/2022, Đ và L đem số tài khoản ngân hàng đó đến quán cà phê Chago thuộc tổ 6, phố Tân An, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để bán trái phép thông tin các tài khoản trên cho người khác nhưng chưa bán được thì bị tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện bắt quả tang. Do đó, T, Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” với 26 tài khoản và L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng với 23 tài khoản quy định tại khoản 1 Điều 291 BLHS.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của Nguyễn Đình Đ, Trần Văn T và Trịnh Bảo L là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, tạo điều kiện cho người thực hiện hành vi phạm tội khác che dấu thông tin thật, gây khó khăn trong công tác điều tra loại tội phạm khác khi phát sinh, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, bị cáo T có ông nội là thương binh hạng 2/4, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Các bị cáo T, Đ mua bán tài khoản số lượng tương đương như nhau, vai trò thực hiện hành vi phạm tội cũng ngang nhau nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo T, Đ là ngang nhau. Bị cáo L mua bán số lượng tài khoản ít hơn nên chịu mức hình phạt thấp hơn một chút. Các bị cáo T, Đ được trừ 9 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Cả 3 bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với T, Đ và L và áp dụng các chế định cải tạo không giam giữ đối với T, Đ và L.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng gì nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với anh Trịnh Văn H, anh Nguyễn Văn V, chị Trịnh Bích N, anh Nguyễn Quý H, chị Bùi Hồng N, chị Phạm Thị Bích L, anh Lương Tiến H, cháu Nguyễn Đăng M, cháu Trịnh Văn D, anh G, anh L, anh Đồng Xuân Bảo T, anh Đoàn Hữu H, anh Trần Công M, anh Lê Hữu Tùng D, anh Nguyễn N Tuyền và anh Nguyễn Đăng P đã có hành vi mua bán thẻ, mở hộ thẻ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm

hình sự. Trịnh Bảo L ngoài hành vi đã bị khởi tố và phải chịu trách nhiệm hình sự còn có hành vi tự mở 03 tài khoản, thẻ ngân hàng sau đó bán cho Trần Văn T, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển hồ sơ đến Công an tỉnh Phú Thọ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp với pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Tịch Thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen thu của Trịnh Bảo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI: 359151079799266 thu của Nguyễn Đình Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh có số IMEI: 352841111059011, IMEI2: 352841111167897 thu của Trần Văn T.

+ Tịch thu tiêu hủy 32 sim điện thoại có số:

0924.553.519, 0924.549.931, 0924.549.641, 0924.550.069, 0924.553.894, 0924.550.085, 0924.550.086, 0924.553.670, 0924.553.887, 0924.553.689, 0924.553.677, 0924.549.621, 0924.549.856, 0924.553.450, 0924.553.605, 0924.549.927, 0924.553.683, 0924.553.658, 0924.553.897, 0924.550.135, 0924.553.669, 0924.549.792, 0924.550.113, 0924.549.632, 0924.549.535, 0924.549.762, 0924.553.671, 0924.553.513, 0924.550.167, 0924.553.459, 0924.549.698, 0924.550.091,

+ Tịch thu tiêu hủy 05 sim điện thoại 0366661862, 0562.791.534, 0563.095995, 0563095704, 0562.781154.

+ Khóa 17 thẻ ATM của ngân hàng gồm: 09 thẻ ngân hàng ACB có số thẻ: 4221094008799239, 4221094008796201, 4221094008799219, 4221090408799213, 9704162472838166, 4221094008799221, 4221094008799205, 9704162472838158, 9704162472838141; 08 thẻ ATM của ngân hàng TPBank có số thẻ: 4665843517075983, 4665843510811392, 4665849040601245, 4665849040603043, 4665843515397918, 4665843517497781, 4665843511909104, 9704231335170883.

+ Khóa 06 tài khoản của ngân hàng MBbank là: 0924553667, 8802041993, 0924553897, 9670833002003, 10705892739, 8200486689999.

+ Khóa 01 tài khoản ngân hàng ACB số: 27275797

+ Khóa 01 tài khoản ngân hàng TPBank số: 06999552001

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 291; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Đối với T, L, Đ), khoản 2 Điều 51 (đối với T); Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Trần Văn T và Trịnh Bảo L phạm tội: “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ, Trần Văn T mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được khấu trừ 9 ngày tạm giữ quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ (Thời gian tạm giữ từ ngày 20/7/2022 đến ngày 29/7/2022). Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B nơi các bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo.

Gia đình bị cáo Đ, bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trịnh Bảo L 12 (mười H) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố P nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trịnh Bảo L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố P nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục bị cáo.

Gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T, Đ, L

Trong thời gian chấp hành án hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Trần Văn T, Trịnh Bảo L phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong một tuần.

Trong thời gian chấp hành án các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Trần Văn T, Trịnh Bảo L phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về Cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch Thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen thu của Trịnh Bảo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI: 359151079799266 thu của Nguyễn Đình Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh có số IMEI: 352841111059011, IMEI2: 352841111167897 thu của Trần Văn T.

+ Tịch thu tiêu hủy 32 sim điện thoại có số:

0924.553.519, 0924.549.931, 0924.549.641, 0924.550.069, 0924.553.894, 0924.550.085, 0924.550.086, 0924.553.670, 0924.553.887, 0924.553.689, 0924.553.677, 0924.549.621, 0924.549.856, 0924.553.450, 0924.553.605, 0924.549.927, 0924.553.683, 0924.553.658, 0924.553.897, 0924.550.135, 0924.553.669, 0924.549.792, 0924.550.113, 0924.549.632, 0924.549.535, 0924.549.762, 0924.553.671, 0924.553.513, 0924.550.167, 0924.553.459, 0924.549.698, 0924.550.091,

+ Tịch thu tiêu hủy 05 sim điện thoại số sim: 0366661862, 0562.791.534, 0563.095995, 0563095704, 0562.781154.

+ Khóa 17 thẻ ATM của ngân hàng gồm: 09 thẻ ngân hàng ACB có số thẻ: 4221094008799239, 4221094008796201, 4221094008799219, 4221094008799213, 9704162472838166, 4221094008799221, 4221094008799205, 9704162472838158, 9704162472838141; 08 thẻ ATM của ngân hàng TPBank có số thẻ: 4665843517075983, 4665843510811392, 4665849040601245, 4665849040603043, 4665843515397918, 4665843517497781, 4665843511909104, 9704231335170883.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2022)

+ Khóa 06 tài khoản của ngân hàng MBbank là: 0924553667, 8802041993, 0924553897, 9670833002003, 10705892739, 8200486689999.

+ Khóa 01 tài khoản ngân hàng ACB số: 27275797

+ Khóa 01 tài khoản ngân hàng TPBank số: 06999552001

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đĩnh Đ, Trần Văn T, Trịnh Bảo L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (H trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm../

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại H;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đ, H.T,
- TP. P
- UBND xã T, H. V,
- tỉnh B
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lược